TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/DS-ST
Ngày: 29/11/2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Kiều Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Quân.

2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đinh Thị Thanh Quyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2018/TLST- DS ngày 05 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2018/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lâm Văn T, sinh năm 1990(Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Cây H, xã Phú C, huyện Tiểu C, tỉnh Trà V.

2. *Bị đơn*: Ông Trần Văn V, sinh năm 1967 (Vắng mặt không lý do)

Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1969 (Vắng mặt không lý do)

Cùng địa chỉ: Ấp Trung T, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 6 năm 2018, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn anh Lâm Văn T trình bày:

Vào ngày 11/11/2013, anh T có bán thức ăn chăn nuôi bao chuồng cho ông Trần Văn V và bà Huỳnh Thị L nuôi 800 con vịt thịt và 40 con heo, kết thúc đợt nuôi vào ngày 07/11/2014, tổng số tiền thức ăn là 81.555.000 đồng. Việc mua bán này hai bên không có ký kết hợp đồng bằng văn bản nhưng có ghi vào sổ theo dõi và anh T có giao cho ông V, bà L một quyển sổ nhỏ để ông V và bà L tiện theo dõi. Đồng thời hai bên có chốt nợ tiền thức ăn sau khi kết thúc đợt nuôi bằng biên nhận nợ ghi vào ngày

07/11/2014. Nội dung trong biên nhận do anh T soạn và đánh máy, ông V và bà L có đọc lại nội dung trong biên nhận và chính tay ông, bà ký tên vào biên nhận. Đến năm 2015 thì ông Trần Văn V và bà Huỳnh Thị L có trả cho anh T được 02 lần tiền cụ thể như sau:

Lần 01: Vào ngày 15/01/2015, ông Trần Văn V và bà Huỳnh Thị L trả được 10.055.000 đồng

Lần 02: Vào ngày 28/9/2015 thì ông Trần Văn V và bà Huỳnh Thị L có trả thêm được 10.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 lần ông Trần Văn V và bà Huỳnh Thị L trả cho anh Tài được 20.055.000 đồng, còn nợ lại 61.500.000 đồng. Từ ngày đó đến nay anh T đã nhiều lần đến nhà ông Trần Văn V và bà Huỳnh Thị L để đòi số tiền mà ông bà còn nợ của anh nhưng ông V và bà L không chịu trả.

Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn V và bà Huỳnh Thị L có trách nhiệm trả cho anh số tiền mà ông bà đã mua thức ăn chăn nuôi còn nợ bằng 61.500.000 đồng. Anh T không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với đồng bị đơn ông Trần Văn V và bà Huỳnh Thị L:

Tòa án không tiến hành hòa giải được do đồng bị đơn ông V và bà L đều vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đồng bị đơn ông V và bà L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông V và bà L đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng đồng bị đơn trong vụ án đã vắng mặt trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa xét xử đã làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát tóm tắt nội dung vụ án, sau khi phân tích đánh giá các tình tiết của vụ án và chứng cứ chứng minh của đương sự. Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc đồng bị đơn ông Trần Văn V và bà Huỳnh Thị L cùng có nghĩa vụ trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 61.500.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vị kiểm sát đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Lâm Văn T khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn V và bà Huỳnh Thị L trả số tiền thiếu từ việc mua bán thức ăn chăn nuôi, đây là quan hệ tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ nơi cư trú của đồng bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đồng bị đơn ông Trần Văn V và bà Huỳnh Thị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đơn khởi kiện của nguyên đơn ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú được ghi trong Giấy xác nhận công nợ ngày 07/11/2014 giữa anh T với ông V và bà L. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông V và bà L là phù hợp, đúng quy định.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Thời điểm anh T với ông V và bà L giao kết và thực hiện giao dịch mua bán là vào năm 2013-2014, đây là giao dịch dân sự xác lập trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực, nên cần áp dụng Bộ luật dân sự 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào Giấy xác nhận công nợ ghi ngày 07/11/2014 (Giấy xát nhận công nợ) do anh Lâm Văn T cung cấp và kết luận giám định số 344/KLGĐ ngày 01/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Trà Vinh khẳng định chữ ký của ông V và L dưới mục bên mua trên Giấy xác nhận công nợ ghi ngày 07/11/2014 so với mẫu chữ ký của ông V, bà L trong bộ hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn- Chi nhánh huyện Tiểu Cần mà Tòa án thu thập được là chữ ký do ông V, bà L là người ký ra.

Từ những căn cứ phân tích trên đã có đủ cơ sở xác định: Trong quá trình chăn nuôi ông Trần Văn V và bà Huỳnh Thị L có mua bán thức ăn chăn nuôi của anh Lâm Văn T với tổng số tiền 81.555.000 đồng. Nhưng anh T cho rằng ông V và bà L đã có trả dần cho anh 02 lần với tổng số tiền 20.055.000 đồng và chỉ còn nợ lại 61.500.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông V và bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến, cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã thanh toán nợ cho anh T là bao nhiêu tiền (theo Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 39/2018/QĐ- CCTLCC ngày 19/10/2018 của Tòa án). Qua đó cho thấy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông V và bà L phải trả số tiền thức ăn gia súc còn nợ là 61.500.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 428 và Điều 438 Bộ luật dân sự 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tiền lãi do chậm thanh toán: Anh T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Do đó, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ để chấp nhận.

Về án phí, chi phí giám định: Ông Trần Văn V và bà Huỳnh Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 179, 160, 161, 162, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng vào Điều 428, 429, 431 và Điều 438 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lâm Văn T.

Buộc đồng bị đơn ông Trần Văn V và bà Huỳnh Thị L cùng có trách nhiệm liên đới trả cho anh Lâm Văn T số tiền nợ thức ăn chăn nuôi là 61.500.000 đồng.

Do anh Tài không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về chi phí giám định chữ ký*:* Ông Trần Văn V và bà Huỳnh Thị L phải chịu 2.430.000 đồng chi phí giám định. Do anh T đã nộp tạm ứng trước và chi xong nên ông V và bà L phải có nghĩa vụ nộp trả lại 2.430.000 đồng cho anh T và anh T được nhận lại 2.570.000đồng tại Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Lâm Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0011375 ngày 19 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần;

Buộc bị đơn ông Trần Văn V và bà Huỳnh Thị L phải chịu 3.075.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong,tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Tiểu Cần ;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lâm Thị Kiều Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bé

Lâm Thị Kiều Trang

Nguyễn Thị Tuyết Lệ